TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 22/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Phạm Duy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 19/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 09/4/2024 đối với bị cáo:

Lê Hồng N, sinh năm 1958 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1928; vợ: Trần Thị N1, sinh năm: 1948 (Nguyễn Trần N2, sinh năm 1949); bị cáo chưa có con.

Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 27/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", (Bản án Hình sự sơ thẩm số 114/2018/HSST,chấp hành xong bản án ngày 14/04/2020);

- Ngày 08/12/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", (Bản án Hình sự sơ thẩm số 92/2021/HSST, chấp hành xong bản án ngày 12/7/2023).

Nhân thân:

- Ngày 02/12/1980 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định Cải tạo tại chỗ các đối tượng có hành vi nguy hại cho xã hội thời hạn 03 năm (Quyết định số 03/UB-QĐ).

- Ngày 19/05/1982 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định về việc Cưỡng bức lao động tập trung thời hạn 02 năm (Quyết định số 504/UB-QĐ).

- Ngày 16/05/1984 bị Tòa án nhân dân Thị xã Bến Tre (nay là thành phố B) xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" (Bản án Hình sự sơ thẩm số 08/ST).

- Ngày 05/11/1987 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định Cưỡng bức lao động thời hạn 02 năm về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân".

- Ngày 02/01/1990 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định Tập trung cải tạo thời hạn 03 năm về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân" (Quyết định số 03/UBQĐ).

- Ngày 25/01/2002 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng về hành vi "Trộm cắp, Gây rối trật tự công cộng", (Quyết định số 437/UB-QĐ, chấp hành xong ngày 29/11/2002).

- Ngày 17/09/2003 bị Tòa án nhân dân Thị xã Bến Tre (nay là thành phố B) xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", (Bản án Hình sự sơ thẩm số 44/HSST, chấp hành xong bản án ngày 10/03/2005).

- Ngày 03/03/2017 bị Công an phường P, thành phố B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" (Quyết định số 27/QĐ-XPHC, chưa nộp phạt).

Bị cáo bị bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Thành T, sinh năm 1985; nơi cư trú: số I, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984; nơi cư trú: số I, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Phạm Phúc T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: số C, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ngô Khánh D, sinh năm 2003; nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Lê Văn H1, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ, ngày 22/09/2023, Lê Hồng N điều khiển xe mô tô hiệu Honda, số loại C70, gắn Biển số 60F8-0801, trên xe có chữ Super Cub lưu thông trên đường Nguyễn Thị Định hướng từ xã P về phường P, khi đi ngang Cơ sở sửa xe T2, địa chỉ: Số I, Khu phố B, phường P, thành phố B do chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1985, cùng ĐKTT: Số I, Khu phố B, phường P, thành phố B làm chủ, Như phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, Biển số 71B2-972.13 của anh T dựng bên ngoài, để chìa khóa khởi động trên xe và không có người trông coi nên Như nảy sinh ý định trộm cắp. Như đậu xe 60F8-0801 của Như trên vỉa hè rồi đến nơi để xe mô tô biển số 71B2-972.13 lén lút dẫn xuống

đường, nổ máy chạy về hướng vòng xoay P được khoảng 10 mét thì bị anh Ngô Khánh D, Sinh năm: 2003; ĐKTT: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre là nhân viên của cơ sở sửa xe T2 truy đuổi và bắt giữ Như cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, số loại C70, màu xanh, gắn Biển số 60F8-0801, trên xe có chữ Super Cub, số khung: không rõ, số máy: C70E2002632; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, Biển số 71B2-972.13, số khung: 08006Y028587, số máy: HA08E0878521.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 891/KL-HĐĐG ngày 23/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, biển số 71B2-972.13, màu nâu, số khung : RLHHA08006Y028587, số máy: HA08E-0878521, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 22/09/2023 là 8.500.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 113/2024/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Xe mô tô hai bánh cần giám định (xe biển số 60F8-0801): Số khung trước giám định : C7…Số khung sau giám định : C70-2002614; ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị thay đổi (Ghi chú: Tại vị trí "…" là ký tự không đọc được). Số máy trước giám định: C70E2002632. Số máy sau giám định: Ký tự hiện tại là nguyên thủy, không bị thay đổi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Nguyễn Thành T một xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, Biển số 71B2-972.13, số khung: 08006Y028587, số máy: HA08E0878521. Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Quá trình điều tra, Lê Hồng N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được. Tại cáo trạng số 23/CT-VKSTPBT ngày 19/3/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Nguyễn Thành T một xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, Biển số 71B2-972.13, số khung: 08006Y028587, số máy: HA08E0878521. Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác.

Đối với xe mô tô hiệu Honda, số loại C70, màu xanh, gắn Biển số 60F8-0801, trên xe có chữ Super Cub, số khung: C70-2002614, số máy: C70E2002632 là phương

tiện Như dùng để đi trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra xác định xe mô tô có số khung và số máy như trên mang Biển số 51F3-7520 do Trần Vĩnh H2, cư trú: Số B, đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên trên giấy đăng ký xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm việc được H2 nên cần tiếp tục tạm giữ xe mô tô trên để xử lý theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 09 giờ, ngày 22/09/2023, tại Cơ sở sửa xe T2, địa chỉ: Số I, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre Lê Hồng N đã có hành vi lén lút lấy trộm của anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị Mỹ L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, biển số 71B2-972.13, màu nâu, trị giá 8.500.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, bị cáo có 02 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa (bản án đã áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự) nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 8.500.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre xác định lần phạm tội này của bị cáo là "Tái phạm nguy hiểm" để truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn

xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa, ngoài ra bị cáo còn nhiều lần bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính. Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: "Phạm tội gây thiệt hại không lớn", "Người phạm tội thành khẩn khai báo" và "Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Nguyễn Thành T một xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, Biển số 71B2-972.13, số khung: 08006Y028587, số máy: HA08E0878521. Nguyễn Thành T và Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác.

Giao xe mô tô hiệu Honda, số loại C70, màu xanh, gắn Biển số 60F8-0801, trên xe có chữ Super Cub, số khung: C70-2002614, số máy: C70E2002632 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh làm rõ chủ sở hữu xe để xử lý theo thẩm quyền.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo là người trên 60 tuổi nên căn cứ vào quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hồng N phạm tội "Trộm cắp tài sản";

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hồng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao xe mô tô hiệu Honda, số loại C70, màu xanh, gắn Biển số 60F8-0801, trên xe có chữ Super Cub, số khung: C70-

2002614, số máy: C70E2002632 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh làm rõ chủ sở hữu xe để xử lý theo thẩm quyền.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Lê Hồng N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. Phú Khương, TPBT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình